BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Số: 1741/QLCL-CL1
V/v: hướng dẫn triển khai Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2011

Kính gửi:
- Cơ quan QLCL NLTS Trung bộ, Nam bộ;
- Các Trung tâm CL NLTS vùng 1-6;
- Các Chi cục Quản lý Chất lượng NLTS tỉnh/thành phố;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản.

Ngày 03/8/2011, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT về kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản (gọi tắt là Thông tư 55) và thay thế Quyết định số 117/2008/QĐ-BNN ngày 18/12/2008; Quyết định số 118/2008/QĐ-BNN ngày 18/12/2008 và Thông tư số 78/2009/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2009. Thông tư 55 có hiệu lực thi hành **kể từ ngày 17/9/2011.**

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản hướng dẫn cụ thể một số nội dung của Thông tư 55 như sau:

1. Khoản 17 Điều 3. Nhóm thực phẩm thủy sản tương tự:

- Mức nguy cơ đối với sản phẩm thực phẩm thủy sản được quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư 55, bao gồm 02 nhóm (sản phẩm nguy cơ cao và sản phẩm nguy cơ thấp).

- Các quy trình công nghệ gần giống nhau được hiểu là các quy trình có các công đoạn sản xuất cơ bản giống nhau (tiếp nhận nguyên liệu, sơ chế, bao gói, bảo quản) và có thể có sự khác biệt nhưng không phát sinh các mối nguy đáng kể về an toàn thực phẩm trong toàn bộ quy trình sản xuất.

Cơ quan kiểm tra tiếp nhận và tổ chức thẩm tra hồ sơ của cơ sở đăng ký kiểm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11:

- Trường hợp sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm đăng ký bổ sung tương tự với nhóm sản phẩm thủy sản cơ sở đã được chứng nhận, các đơn vị có văn bản thông báo tới cơ sở việc bổ sung sản phẩm vào danh mục sản phẩm đã được chứng nhận (không thực hiện kiểm tra tại hiện trường).

- Trường hợp sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm không thuộc nhóm sản phẩm tương tự mà cơ sở đã được chứng nhận, Cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra đối với cơ sở theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư 55.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09578091

2. Điểm b khoản 1 Điều 5. Cơ quan kiểm tra Trung ương:

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản phân công nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP đối với **cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có sản phẩm xuất khẩu** cho các đơn vị trực thuộc Cục chi tiết tại Phụ lục 1 gửi kèm.

3. Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 6:

3.1. Đối với kiểm tra viên, Trưởng đoàn kiểm tra thuộc Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư 55.

3.2. Đối với kiểm tra viên, Trưởng đoàn kiểm tra thuộc Cơ quan kiểm tra Trung ương phải tham gia và được cấp Giấy chứng nhận sau đây của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản:

- Khóa tập huấn về HACCP; kiểm tra, lấy mẫu lô hàng thủy sản đối với kiểm tra viên kiểm tra lô hàng.

- Khóa tập huấn về HACCP; kiểm tra điều kiện bảo đảm ATTP cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản và lấy mẫu phục vụ kiểm tra điều kiện bảo đảm ATTP đối với kiểm tra viên điều kiện sản xuất.

- Đối với Trưởng đoàn kiểm tra: hoàn thành lớp tập huấn Trưởng đoàn kiểm tra điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản.

Quy định nêu trên bắt buộc áp dụng **kể từ ngày 01/01/2012** trong nội bộ hệ thống Cục.

4. Điều 7. Yêu cầu đối với trang thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm tra hiện trường:

Cơ quan kiểm tra lựa chọn các thiết bị và dụng cụ phù hợp để đo, kiểm nhanh một số chỉ tiêu như nhiệt độ, chlorin dư, sulphit...; dụng cụ lấy mẫu, bảo quản mẫu và trang bị cho đoàn kiểm tra của đơn vị khi thực hiện kiểm tra điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở.

5. Điều 13. Nội dung, phương pháp kiểm tra, Điều 14. Biên bản kiểm tra, Điều 15. Phân loại điều kiện bảo đảm ATTP của Cơ sở:

- Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra, đánh giá về thủ tục truy xuất nguồn gốc sản phẩm của cơ sở theo các yêu cầu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Đoàn kiểm tra lấy mẫu thẩm tra trong quá trình kiểm tra điều kiện sản xuất đối với cơ sở và lập phiếu theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo công văn này.

- Mẫu biểu kiểm tra, hướng dẫn đánh giá và phân loại điều kiện bảo đảm ATTP đối với từng loại hình cơ sở được tổng hợp tại Phụ lục 3 kèm theo công văn này.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09578091

6. Điều 18. Tần suất kiểm tra định kỳ, Điều 20. Cấp lại Giấy chứng nhận ATTP

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản đã được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP **trước ngày 17/9/2011**, thời điểm kiểm tra định kỳ tiếp theo được tính theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 117/2008/QĐ-BNN. Tại lần kiểm tra định kỳ tiếp theo, nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Cơ quan kiểm tra cấp Giấy chứng nhận ATTP cho cơ sở theo quy định tại Điều 16 Thông tư 55.

7. Điểm b khoản 2 Điều 36. Chế độ báo cáo:

Trước ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm hoặc khi có yêu cầu, các Chi cục Quản lý CL NLTS thủy sản hoặc Cơ quan chuyên môn được Sở NN và PTNT tỉnh/thành phố chỉ định tổng hợp và báo cáo về Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Cơ quan Chất lượng Trung bộ, Nam bộ theo địa bàn.

8. Khoản 2 điểm c Điều 36; khoản 2 điểm i Điều 38. Thực hiện thống nhất các danh sách:

Cơ quan Chất lượng Trung bộ, Nam bộ chủ trì, phối hợp với Trung tâm CL NLTS vùng chủ động làm việc với các cơ quan kiểm tra cấp tỉnh/thành phố theo địa bàn để thống nhất danh sách các cơ sở thuộc thẩm quyền kiểm tra, chứng nhận bởi Cơ quan kiểm tra Trung ương và Cơ quan kiểm tra địa phương và gửi danh sách về Cục và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn **trước ngày 01/12 hàng năm** (riêng khu vực Bắc bộ sẽ do Cục QLCL NLTS trực tiếp thực hiện).

9. Điểm a khoản 3 Điều 43:

Cơ quan Chất lượng Trung bộ, Nam bộ thực hiện như sau:

- Rà soát, tổ chức kiểm tra **kể từ ngày 01/7/2012** đối với các Cơ sở đã được kiểm tra, chứng nhận và cấp mã số riêng trước ngày 17/9/2011 nhưng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu là một Cơ sở sản xuất thủy sản độc lập theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 55 hoặc Cơ sở có nhiều loại hình sản xuất khác nhau nhưng chỉ được cấp 01 (một) mã số duy nhất và báo cáo kết quả về Cục **trước ngày 30/10/2012**

- Cục sẽ thực hiện thu hồi, bổ sung và cấp lại mã số theo quy định của Thông tư 55 đối với các cơ sở nêu trên hoàn thành **trước ngày 31/12/2012**.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản để được hướng dẫn bổ sung.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các PCT (để biết);
- Các Phòng, ban thuộc Cục; VASEP;
- Lưu: VT, CL1.

CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Nguyễn Như Tiệp

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09578091

Phụ lục 1

(ban hành kèm theo công văn số 1741 /QLCL-CL1 ngày 16 tháng 9 năm 2011)

Phân công nhiệm vụ kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có sản phẩm xuất khẩu

1. Kiểm tra, đánh giá phân loại và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh có sản phẩm xuất khẩu:

Tên Cơ quan kiểm tra	Địa chỉ liên hệ	Địa bàn được phân công	Ghi chú
Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Ngõ 20, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội, Điện thoại: 04 38310983, Fax: 04 38317221, Email: nafiqad@mard.gov.vn Website:http://www.nafiqad.gov.vn	**Khu vực Bắc bộ** (Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình, Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Sơn La, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh).	Đối với các trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm ATTP: - Cơ quan Trung bộ, Nam bộ thực hiện kiểm tra lại theo đăng ký của cơ sở, báo cáo kết quả kiểm tra về Cục. - Cục QLCL NLTS và TS xem xét ra quyết định công nhận lại và cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm ATTP.
Cơ quan Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Trung bộ	779 Lê Hồng Phong, Bình Tân, TP.Nha Trang, Khánh Hoà, Điện thoại: 058.3.884812 Fax: 058.3.884811; E-mail: cqtb.nafi@mard.gov.vn)	**Khu vực Trung bộ** (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kom Tum, Gia Lai, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đăk Lăk, Đăk Nông, Lâm Đồng)	
Cơ quan Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Nam bộ	30 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Điện thoại: 08.3.9141866, Fax: 08.3.9141575, E-mail: cqnb.nafi@mard.gov.vn)	**Khu vực Nam bộ** (Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, An Giang, Cà Mau).	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09578091

2. Kiểm tra định kỳ điều kiện bảo đảm ATTP cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có sản phẩm xuất khẩu :

Tên Cơ quan kiểm tra	Địa chỉ liên hệ	Địa bàn được phân công
Trung tâm Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản vùng 1	51 Lê Lai, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng Điện thoại: 031.3.837508 Fax: 031.3.83750 E.mail: branch1.nafi@mard.gov.vn	Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình, Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Sơn La, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.
Trung tâm Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản vùng 2	31 Ngũ Hành Sơn, Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng Điện thoại: 0511.3.836155 Fax: 0511.3836154 E.mail: branch2.nafi@mard.gov.vn	Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Gia Lai.
Trung tâm Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản vùng 3	779 Lê Hồng Phong, Bình Tân, TP.Nha Trang, Khánh Hoà, Điện thoại: 058.3.884812 Fax: 058.3.884811, E.mail: branch3.nafi@mard.gov.vn	Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đăk Lăk, Đăk Nông, Lâm Đồng.
Trung tâm Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản vùng 4	30 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: 08.3.8210815 Fax: 08.3.8212613 E.mail: branch4.nafi@mard.gov.vn	Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Thuận.
Trung tâm Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản vùng 5	171 Phan Ngọc Hiển, Phường 6, TP.Cà Mau, Cà Mau Điện thoại: 0780.3.835169 Fax:0780.3.830062 E.mail: branch5.nafi@mard.gov.vn	Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng.
Trung tâm Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản vùng 6	386C Cách mạng Tháng 8, Bùi Hữu Nghĩa, Bình Thuỷ, TP.Cần Thơ Điện thoại: 0710.3.884017 Fax:0710.3.884697 E.mail:branch6.nafi@mard.gov.vn	Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09578091

Phụ lục 2.

(ban hành kèm theo công văn số 1741/QLCL-CL1 ngày 16 tháng 9 năm 2011)

Mẫu phiếu lấy mẫu thẩm tra

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA, THANH TRA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Đoàn kiểm tra số:	---------- ..., ngày ... tháng ... năm...
theo Quyết định số:	

PHIẾU LẤY MẪU THẨM TRA

Tên cơ sở được lấy mẫu: .....
Địa điểm lấy mẫu: .....
Người lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị) .....

Thông tin chung của mẫu:

STT	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí mẫu được lấy	Chỉ tiêu chỉ định kiểm nghiệm	(*) Ghi chú

(*) *Trường hợp mẫu là nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm hoặc nước đá được sản xuất từ cơ sở bên ngoài, hóa chất, phụ gia, ghi rõ các thông tin về nguồn gốc xuất xứ của mẫu (tên, địa chỉ cơ sở cung cấp, ngày sản xuất, hạn sử dụng, mã số lô hàng, tên sản phẩm...).*

Đại diện cơ sở được lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ sở (nếu có))	Trưởng đoàn kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09578091

Phụ lục 3

(ban hành kèm theo công văn số 1741/QLCL-CL1 ngày 16 tháng 9 năm 2011)

Biểu mẫu kiểm tra, đánh giá và phân loại cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản

TT	Loại hình Cơ sở	Tên biểu mẫu sử dụng	(*) Cơ quan kiểm tra sử dụng biểu mẫu
1	**Cảng cá**	Biểu mẫu 1a-2 "Chợ cá" (ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT)	Địa phương
2	**Chợ có kinh doanh thủy sản**	Biểu mẫu 1a-3 "Chợ cá" (ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT)	Địa phương
3	**Cơ sở thu mua, sơ chế thủy sản**		
3.1	Cơ sở thu mua thủy sản	Biểu mẫu 1a-4 "Cơ sở thu mua thủy sản" (ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
3.2	Cơ sở sơ chế thủy sản	Biểu mẫu 1a-5a "Cơ sở sơ chế thủy sản" (ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT	Trung ương và địa phương
4	**Kho lạnh độc lập bảo quản thủy sản**	Biểu mẫu 1a-9 "Kho lạnh thủy sản" (ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
5	**Cơ sở làm sạch và phân phối NT2MV**	Biểu mẫu 4đ "Cơ sở làm sạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ" (ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
6	**Cơ sở sản xuất thủy sản đông lạnh**	Biểu mẫu 1a-6a "Cơ sở chế biến thủy sản nhỏ lẻ" (ban hành kèm theo Thông tư 53/2011/TT-BNNPTNT)	(**) Trung ương và địa phương
		Biểu mẫu 4a "Cơ sở chế biến thủy sản đông lạnh" (ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
7	**Cơ sở sản xuất đồ hộp**	Biểu mẫu 4c "Cơ sở sản xuất đồ hộp thủy sản" (ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
8	**Cơ sở sản xuất hàng khô**		
8.1	Cơ sở sản xuất hàng khô nhỏ lẻ	Biểu mẫu 1a-8 "Cơ sở sản xuất thủy sản khô nhỏ lẻ" (Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT, sửa đổi tên theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
8.2	Cơ sở sản xuất hàng khô	Biểu mẫu 4b "Cơ sở chế biến thủy sản khô" (ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
9	**Cơ sở sản xuất nước mắm và dạng mắm**		
9.1	Cơ sở sản xuất nước mắm và sản phẩm dạng mắm nhỏ lẻ	Biểu mẫu 1a-7 "Cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm dạng mắm nhỏ lẻ" (Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT, sửa đổi tên theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
9.2	Cơ sở sản xuất nước mắm và sản phẩm dạng mắm	Biểu mẫu 4d "Cơ sở sản xuất nước mắm" (ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0957809

TT	Loại hình Cơ sở	Tên biểu mẫu sử dụng	(*) Cơ quan kiểm tra sử dụng biểu mẫu
10	**Cơ sở sản xuất dạng sản phẩm thủy sản khác**	Biểu mẫu 4e "Cơ sở sản xuất dầu cá" (ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
		Biểu mẫu 1a-6a "Cơ sở chế biến thủy sản nhỏ lẻ" (ban hành kèm theo Thông tư 53/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương
11	**Cơ sở kinh doanh thực phẩm thủy sản**	*(***) Chưa ban hành biểu mẫu đánh giá*	Địa phương
12	**Tàu cá có công suất máy chính từ 50 CV trở lên**	Biểu mẫu 1a-1 "Tàu cá" (ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT)	Trung ương và địa phương

Ghi chú:

- (*): Cơ quan kiểm tra sử dụng biểu mẫu kiểm tra để kiểm tra, đánh giá phân loại các đối tượng theo phân cấp theo Điều 5 Thông tư 55, cụ thể:

+ Cơ quan kiểm tra địa phương: Cơ sở sản xuất, kinh doanh có sản phẩm chỉ tiêu thụ nội địa.

+ Cơ quan kiểm tra Trung ương: Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có sản phẩm xuất khẩu.

- (**): Áp dụng đối với cơ sở chế biến thủy sản đông lạnh nhỏ lẻ.

- (***): Tạm thời sử dụng Biểu mẫu 1a-4 "Cơ sở thu mua thủy sản" ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT.

- Cách ghi "Mặt hàng" (tại mục 6, phần I "Thông tin chung", Biểu mẫu kiểm tra, đánh giá phân loại) đối với các Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản có sản phẩm xuất khẩu: ghi cụ thể nhóm sản phẩm đăng ký xuất khẩu đối với từng thị trường.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09578091